

CHÍNH PHỦ

Số: /2019/NĐ-CP

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2015/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư

1. Sửa đổi Khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Cơ quan đăng ký đầu tư”

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Nội dung đánh giá chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công”.

3. Bổ sung Khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình đầu tư công:

a) Phương pháp đánh giá hiệu quả chương trình đầu tư công: sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu (giữa kết quả/số liệu thực tế thu thập tại thời điểm đánh giá và mục tiêu/kế hoạch đặt ra; hoặc giữa các thông số của dự án tại thời điểm đánh giá với các chỉ số tiêu chuẩn; hoặc kết hợp).

b) Tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình đầu tư công:

- Sự phù hợp của chương trình với mục tiêu kinh tế - xã hội quốc gia, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với nhu cầu của đối tượng hưởng lợi và chính sách phát triển của nhà tài trợ (nếu có).

- Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư chương trình theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt.

- Chỉ số vận hành của chương trình.

- Các tác động kinh tế-xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác: tác động môi trường, tác động xã hội, tác động tới các mục tiêu phát triển đặc thù khác (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, hộ chính sách, đối tượng ưu tiên,...)

- Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường được thực hiện.

4. Sửa đổi Khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công”.

5. Bổ sung Khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công:

a) Phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công: Tùy theo quy mô và tính chất của dự án, có thể sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu (giữa kết quả/số liệu thực tế thu thập tại thời điểm đánh giá và mục tiêu/kế hoạch đặt ra; hoặc giữa các thông số của dự án tại thời điểm đánh giá với các chỉ số tiêu chuẩn; hoặc kết hợp) hoặc phương pháp phân tích chi phí - lợi ích.

b) Tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công:

- Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư dự án theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt.

- Chi số vận hành của dự án.

- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (EIRR).

- Các tác động kinh tế-xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác: tác động môi trường, tác động xã hội, tác động tới các mục tiêu phát triển đặc thù khác (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, hộ chính sách, đối tượng ưu tiên,...)

- Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường được thực hiện.

6. Sửa đổi Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 26 như sau:

“4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý.

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo các nội dung đã được phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

6. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất”.

7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và báo cáo nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;

b) Tình hình trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.”

8. Sửa đổi tên Điều 30 như sau:

“Điều 30. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư”.

9. Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 32 như sau:

“c) Ngoài các quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này khi cần thiết.”

10. Sửa đổi Khoản 3 Điều 32 như sau:

“3. Nội dung đánh giá dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Chi phí và nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

2. Nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

- a) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ này;
- b) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư chương trình, cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án;
- c) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tổ chức thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án;
- d) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ sử dụng tổ chức thực hiện được tính trong chi phí khai thác, vận hành dự án;
- đ) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, do ngân sách cấp xã đảm bảo.

3. Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư:

- a) Chi phí cho công tác giám sát đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tự thực hiện bằng 10% chi phí quản lý chương trình, dự án.
- b) Chi phí cho công tác đánh giá đầu tư được tính bằng % chi phí quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành như sau: Chi phí đánh giá ban đầu: 2%; Chi phí đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn: 2%; Chi phí đánh giá kết thúc: 3%; Chi phí đánh giá tác động: 5%; Chi phí đánh giá đột xuất: 3%.

Trường hợp vận dụng định mức chi phí không phù hợp hoặc chương trình, dự án có quy mô lớn hoặc trường hợp cần phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện thì tổ chức lập dự toán để xác định chi phí.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư quy định tại Nghị định này sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và quy định tại Nghị định này.

12. Bổ sung khoản 3 Điều 66 như sau:

“3. Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có trách nhiệm đào tạo nâng cao năng lực thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở cơ quan, đơn vị mình bảo đảm năng lực thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao”.

Điều 2. Bãi bỏ

Bãi bỏ: Khoản 1 Điều 30; Chương IX.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Điều khoản chuyển tiếp

Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư quy định tại Nghị định này áp dụng cho chương trình, dự án đầu tư chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa có quyết định đầu tư. Đối với những dự án đang thực hiện dở dang tiếp tục thực hiện theo mức chi phí quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).